

Số: 03/BC-VTTC-BKS

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO

V/v Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại - Vinacomin

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020 và Điều lệ Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại - Vinacomin. Ban Kiểm soát công ty xin trình bày trước Đại hội đồng cổ đông công ty về kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2022 của công ty cổ phần Du lịch và Thương mại- Vinacomin.

Căn cứ báo cáo tài chính năm 2022 do Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại- Vinacomin lập, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO được phát hành tại báo cáo kiểm toán số 60/BC/BDO/2023 ngày 01 tháng 3 năm 2023.

Ban kiểm soát Công ty thực hiện Thẩm định Báo cáo Tài chính năm 2022, kết quả đánh giá như sau :

1. Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch hoạt động SXKD năm 2022 :

TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Nghị quyết ĐHCĐ 2022	Thực hiện		Tỷ lệ % thực hiện so với	
				Năm 2021	Năm 2022	KH ĐHCĐ	Cùng kỳ năm trước
1	Doanh thu	Triệu đ	1,152,350	1,056,666	1,394,849	121.04	132.00
2	Giá trị sản xuất	Triệu đ	50,503	55,462	57,244	113.35	103.21
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đ	6,800	8,139	12,768	187.76	156.87
4	Cổ tức/Vốn CP	%	8	8	8	100.00	100.00
5	Đơn giá lương(đ/1000đ GTSX)	Đồng	400	394	400	100.00	101.52
6	Tổng quỹ tiền lương	Triệu đ	62,651	62,941	64,956	103.68	103.20
	+ Người quản lý	Triệu đ	2,436	3,404	2,767	113.59	81.29
	+ Người lao động	Triệu đ	60,215	59,537	62,189	103.28	104.45
7	Lao động bình quân trong danh sách	Người	632	627	625	98.91	99.74
	+ Người quản lý	Người	7	7	6.3	90.00	93.89
	+ Người lao động	Người	625	620.0	619	99.01	99.81
8	Tiền lương bình quân trong Z	Triệu đ	8.26	8.37	8.66	104.82	103.47
	+ VCQL	Triệu đ	29.00	42.28	36.60	126.21	86.58
	+ Người lao động	Triệu đ	8.03	8.00	8.37	104.31	104.66
9	Đầu tư xây dựng cơ bản	Triệu đ	25,808	3,757	2,282	8.84	60.74

Kết thúc năm 2022, Công ty thực hiện hầu hết các chỉ tiêu đều đạt và vượt kế hoạch ĐHCĐ giao năm 2022.

Riêng kế hoạch Đầu tư xây dựng tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-VTTC-ĐHCĐ ngày 26/4/2022 đã đặt mục tiêu đầu tư 25,808 triệu đồng ; Tiến độ và kế hoạch triển khai một

số dự án triển khai năm 2022 ; Trong đó: Công trình khởi công mới: 25.458 tr.đ và dự phòng: 350 tr.đ, bao gồm 11 hạng mục.

Do các dự án của Công ty thời gian triển khai ngắn và gắn liền với tình hình SXKD nên Công ty đã chủ động cân đối năng lực tài chính, biến động của thị trường để trình HĐQT phê duyệt triển khai kế hoạch đầu tư năm 2022 cho phù hợp với năng lực tài chính của Công ty và mang lại hiệu quả tích cực ngay trong giai đoạn nhiều biến động hiện nay.

Thực hiện kế hoạch đầu tư 2,282 triệu đồng, bằng 8,84% kế hoạch (nếu kế hoạch điều chỉnh được ĐHĐCĐ thông qua tại phiên họp).

2. Kết quả thẩm định Báo cáo Tài chính năm 2022 của Công ty:

Nội dung thẩm định: Ban kiểm soát đã tiến hành thẩm định báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, và bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính 2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO;

Về báo cáo kiểm kê tài sản thông qua các hồ sơ kiểm kê, nhìn nhận số lượng, chủng loại vật tư hàng hóa còn tồn kho để giám sát;

Về công nợ phải thu, nợ phải trả đến thời điểm 31/12/2022 kiểm tra xác định về mức độ an toàn của từng khoản nợ phải thu, thông qua biên bản xác nhận nợ của khách nợ tại thời điểm 31/12/2022, đối với những khoản nợ chưa có biên bản đối chiếu nợ, nhưng còn nợ phải thu – Ban kiểm soát đã căn cứ kiểm tra chứng từ thu hồi nợ (Báo có, thu tiền mặt) đầu năm 2023;

Đối với các khoản nợ đã quá hạn thanh toán, theo báo cáo số liệu nợ quá hạn phát sinh từ năm 2021 về trước; năm 2022 Công ty không phát sinh nợ quá hạn thanh toán, đối với nợ quá hạn trước đây Công ty đã trích lập dự phòng đầy đủ các khoản nợ quá hạn, tuân thủ quy định của Bộ tài chính; Tổng nợ quá hạn đến thời điểm 31/12/2022 toàn công ty 14.357 triệu đồng, trong đó khoản nợ tại Công ty CP chế tạo máy 13.970 triệu đồng, nợ phải thu khác 387 triệu đồng.

Sau khi xem xét, thẩm tra Ban kiểm soát có nhận xét như sau:

- Năm 2022, Công ty đã lập và trình bày báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan. Tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán kế toán, phù hợp với đặc điểm hoạt động SXKD và yêu cầu quản lý của Công ty.

- Lập báo cáo tài chính đầy đủ hàng quý, năm phản ánh đầy đủ, trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo quản trị của Công ty.

- Ban kiểm soát nhất trí với số liệu phản ánh trên Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán tại báo cáo kiểm toán số 60/BC/BDO/2023 ngày 01 tháng 3 năm 2023 của Công ty TNHH kiểm toán BDO.

Ban kiểm soát xác định các số liệu tài chính năm 2022, báo cáo trước ĐHĐCĐ năm 2023 là thể hiện trung thực, phản ánh đầy đủ tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2022 của Công ty.

3. Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty tại thời điểm 31/12/2022:

3.1 Phân phối lợi nhuận năm 2021:

Tỷ lệ chi trả cổ tức, trích lập quỹ Đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 Công ty thực hiện theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 và phân chia vào năm tài chính 2022.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Nghị quyết ĐHCĐ 2022	Thực hiện
A	B	C	1	2
I	Lợi nhuận sau thuế 2021 chưa phân chia	Đồng	6.500.956.335	6.500.956.335
II	Lợi nhuận năm 2020 chưa phân chia	Đồng		
III	Lợi nhuận được phân chia (I + II)	Đồng	6.500.956.335	6.500.956.335
1	Trả cổ tức			
-	Vốn điều lệ	Đồng	25 000 560 000	25 000 560 000
-	Tỷ lệ trả cổ tức	%	8	8
-	Giá trị cổ tức tính theo tỷ lệ chi trả	Đồng	2.000.044.800	2.000.044.800
2	Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đó hết hạn được trừ vào lợi nhuận sau thuế	Đồng		
3	Lợi nhuận còn lại	Đồng	4.500.911.535	4.500.911.535
a	Trích quỹ Đầu tư phát triển (3 x 30%)	Đồng	1.350.273.461	1.350.273.461
b	Trích Quỹ thưởng Người quản lý	Đồng	425.000.000	425.000.000
c	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 2021	Đồng	2.725.638.074	2.725.638.074

3.2 Số liệu tài chính tổng hợp thời điểm 31/12/2022:

Chỉ tiêu	Mã số	Số đầu năm 2022	Số cuối năm 2022
A. Tổng tài sản		569,976,364,112	397,421,370,619
I. Tài sản ngắn hạn	100-BCĐKT	538,419,574,335	366,929,066,400
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110-BCĐKT	141,654,541,392	23,473,146,387
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120-BCĐKT		
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	130-BCĐKT	192,705,955,681	225,955,398,727
Trong đó: Dự phòng nợ phải thu khó đòi		-14,399,045,534	-14,357,428,000
4. Hàng tồn kho	140-BCĐKT	197,373,784,092	112,462,890,621
5. Tài sản ngắn hạn khác	150-BCĐKT	6,685,293,170	5,037,630,665
II. Tài sản dài hạn	200-BCĐKT	31,556,789,777	30,492,304,219
1. Các khoản phải thu dài hạn	210-BCĐKT	152,917,527	153,123,550
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211-BCĐKT		
Trong đó: Dự phòng nợ phải thu dài hạn khó đòi	219-BCĐKT		
2. Tài sản cố định	220-BCĐKT	11,705,101,683	10,980,371,982
- Tài sản cố định hữu hình	221-BCĐKT	11,349,126,197	10,806,297,397
- Tài sản cố định thuê Tài chính	224-BCĐKT		
- Tài sản cố định vô hình	227-BCĐKT	355,975,486	174,074,585
3. Bất động sản đầu tư	230-BCĐKT		
4. Tài sản dở dang dài hạn	240-BCĐKT	295,179,091	569,541,976
Trong đó: Chi phí XDCB dở dang	242-BCĐKT	295,179,091	569,541,976
5. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250-BCĐKT		
Trong đó: - Đầu tư vào công ty con	251-BCĐKT		
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254-BCĐKT		
6. Tài sản dài hạn khác	260-BCĐKT	19,403,591,476	18,789,266,711
B. Tổng nguồn vốn		569,976,364,112	397,421,370,619
I. Nợ phải trả	300-BCĐKT	510,721,914,929	338,363,348,441
1. Nợ ngắn hạn	310-BCĐKT	509,469,498,259	337,275,723,436
Trong đó: Nợ quá hạn			
Quỹ khen thưởng & phúc lợi	322-BCĐKT	5,970,575,370	4,527,232,234
2. Nợ dài hạn	330-BCĐKT	1,252,416,670	1,087,625,005
II. Nguồn vốn chủ sở hữu	400-BCĐKT	59,254,449,183	59,058,022,178
1. Vốn của chủ sở hữu	410-BCĐKT	59,254,449,183	59,058,022,178

Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411-BCĐKT	25,000,560,000	25,000,560,000
Quý đầu tư và phát triển	418-BCĐKT	27,752,932,848	29,103,206,309
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421-BCĐKT	6,500,956,335	4,954,255,869
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430-BCĐKT		
C. Kết quả kinh doanh		Năm 2021	Năm 2022
1. Tổng doanh thu		1,056,666,708,116	1,394,848,889,293
- Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	10-BCKQKD	1,053,877,462,725	1,388,078,032,746
- Doanh thu hoạt động tài chính	21-BCKQKD	2,621,604,568	4,789,035,672
- Thu nhập khác	31-BCKQKD	167,640,823	1,981,820,875
2. Tổng chi phí		1,048,527,847,833	1,382,080,702,729
3. Tổng lợi nhuận trước thuế	50-BCKQKD	8,138,860,283	12,768,186,564
4. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	60-BCKQKD	6,500,956,335	4,954,255,869
D. Chỉ tiêu khác			
1. Tổng số phát sinh phải nộp ngân sách		100,408,541,257	109,513,550,673
Trong đó: các loại thuế		100,407,983,887	108,178,081,067
2. Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bq(%)		2.28	1.02
3. Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH bq (%)		10.97	8.39
4. Tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (Lần)		8.52	5.65
5. Khả năng thanh toán hiện thời (Lần)		1.07	1.10
6. Khả năng thanh toán nhanh (Lần)		0.66	0.75
7. Mức độ bảo toàn vốn (Lần)		1.020	1.026

4. Hệ số tài chính tại ngày 31/12/2022:

4.1. Bảo toàn vốn:

Vốn chủ sở hữu thời điểm 31/12/2021: 59.254 triệu đồng (trong đó lợi nhuận sau thuế năm 2021 chưa phân phối 6.501 triệu đồng)

Vốn chủ sở hữu thời điểm 31/12/2022: 59.058 triệu đồng (trong đó lợi nhuận sau thuế năm 2022 chưa phân phối 4.954 triệu đồng).

Năm 2022 kết quả SXKD của Công ty đạt lợi nhuận trước thuế 12.768 triệu đồng, tăng so với năm 2021: 4.629 triệu đồng, thuế TNDN phải nộp cho năm 2022 và nộp bổ sung từ năm 2017 đến hết năm 2021 : 7.814 triệu đồng, lợi nhuận thực hiện sau thuế năm 2022 còn lại 4.954 triệu đồng.

Nguyên nhân thuế TNDN năm 2022 phải nộp tăng hơn 20% Luật thuế TNDN hiện hành :

a. Thuế TNDN phải nộp năm 2022 theo lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2022 và các chi phí phát sinh không được trừ khi tính thuế TNDN năm 2022: 3.075.826.074 đồng:

b. Thuế TNDN nộp bổ sung theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 và Quyết định 51153/QĐ của Cục thuế Hà Nội : 4.738.104.621 đồng.

- Năm 2022 Công ty đã nộp thuế TNDN 5 năm từ năm 2017 – 2021 theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020, với số tiền: 4.198.570.313 đồng.

- Năm 2022, Cục thuế TP Hà Nội thực hiện thanh tra thuế tại Văn phòng Công ty từ năm 2017 đến 2021, số thuế TNDN phải nộp bổ sung theo Quyết định số 51153/QĐ – CTHN-TTKT4-XPVPHC, ngày 24/10/2022 của Cục thuế TP Hà Nội: 471.549.673 đồng.

Đồng thời Công ty đã trích lập đầy đủ các khoản dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán và dự phòng bảo hành sản phẩm, mua bảo hiểm tài sản theo quy định ; Như vậy với các chỉ số thực hiện năm 2022, Công ty bảo toàn và phát triển được vốn của các cổ đông.

4.2. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản bình quân 1,02% giảm hơn năm 2021: - 1,26%

4.3. Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu: 8,39% giảm so với năm 2021 : - 2,58%

4.4 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (hiện thời): 1,1 lần.

Tài sản ngắn hạn thời điểm 31/12/2022: 366.929 triệu đồng;

Nợ ngắn hạn không bao gồm Quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi thời điểm 31/12/2022: 332.748 triệu đồng;

Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn 1,1 lần, tăng 0,03 lần so với năm 2021.

Vậy thời điểm 31/12/2022 Công ty có đủ khả năng thanh toán nợ đến hạn.

4.5. Hệ số nợ phải trả/ vốn chủ sở hữu:

Nợ phải trả (sau khi trừ quỹ khen thưởng phúc lợi) thời điểm 31/12/2022: 333.836 triệu đồng. Vốn chủ sở hữu: 59.058 triệu đồng.

Hệ số nợ phải trả / vốn CSH: 5,65 lần; giảm so với năm 2021 là 2,87 lần; chủ yếu do nợ phải trả giảm so với cùng kỳ năm trước 172.358 triệu đồng, trong đó nợ phải trả ngắn hạn khách hàng giảm 172.193 triệu đồng;

Công ty trong năm đã tích cực thanh toán nợ phải trả khách hàng, giảm nợ vay ngân hàng trên cơ sở thu hồi nợ phải thu; nguồn vốn chủ sở hữu giảm so với đầu năm 196 triệu đồng, do giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022: 1.546 triệu đồng (như phân tích tại mục **4.1.b** trên).

Như vậy với các chỉ số tài chính thực hiện năm 2022, Công ty bảo toàn và phát triển được vốn của các cổ đông.

Trên đây là kết quả Thẩm định báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại – Vinacomin;

Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông công ty về thẩm định báo cáo tài chính năm 2022, trân trọng kính đề nghị ĐHĐCĐ năm 2023 thông qua.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông (b/c),
- TV HĐQT, Ban KS,
- Lưu thư ký HĐQT.



Hoàng Văn Kiệt